60 Đa dạng sinh học

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS hiểu được đa dạng sinh học thể hiện ở số loài, khả năng thích nghi cao của ĐV với các điều kiện sống khác nhau.

 2. Năng lực

 Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

N¨ng lùc chung N¨ng lùc chuyªn biÖt

- Năng lực phát hiện vấn đề

- Năng lực giao tiếp

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự học

- N¨ng lùc sö dông CNTT vµ TT - Năng lực kiến thức sinh học

- Năng lực thực nghiệm

- Năng lực nghiên cứu khoa học

3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án – SGK - Tranh phóng to H58.1-2 SGK.

- Tư liệu về ĐV ở môi trường đới lạnh và nóng. (nếu có)

- Tranh cây phát sinh giới động vật (nếu có)

2. Học sinh:

- Vở ghi - SGK - Tài liệu liên quan.

- Kẻ phiếu học " Sự thích nghi của ĐV ở môi trường đới lạnh và hoang mạc đới nóng vào vở bài tập.

III. TIẾN TRÌNH:

1. Kiểm tra bài cũ: ko

2. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG GV HOẠT ĐỘNG HS NỘI DUNG

HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu

a. Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

d. Tổ chức thực hiện: Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Giáo viên cho học sinh nêu những nơi phân bố của động vật  Vì sao động vật phân bố ở mọi nơi  Tạo nên sự đa dạng.

HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

a) Mục tiêu: Đa dạng sinh học thể hiện ở số loài, khả năng thích nghi cao của ĐV với các điều kiện sống khác nhau.

b) Nội dung: HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

c) Sản phẩm: Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

d) Tổ chức thực hiện: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

1: Tìm hiểu sự đa dạng sinh học. (20’)

- Yêu cầu nghiên cứu SGK tr.185 trả lời câu hỏi:

+ Sự đa dạng sinh học thể hiện như thế nào ?

+ Vì sao có sự đa dạng về loài?

- Gv nhận xét ý kiến các nhóm

- yêu cầu HS tự rút ra kết luận.

\*THGDMT+BĐKH:

- Nguyên nhân dẫn đến suy giảm sự đa dạng sinh học ở Việt nam và trên thế giới (khách quan, chủ quan).

- Bảo vệ sự đa dạng và cân bằng sinh học.

- Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học. - Cá nhân tự đọc thông tin SGK

- Trao đổi nhóm

+ Đa dạng biểu thị bằng số loài

+ ĐV thích nghi cao với điều kiện sống

- Đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm khác bổ sung.

+ Nghiêm cấm khai thác rừng bừa bãi.

+ Nghiêm cấm săn bắt, buôn bán động vật hoang dã.

+ Thuần hóa, lai tạo giống để tăng độ đa dạng sinh học. I. Sự đa dạng sinh học

- Sự đa dạng sinh học biểu thị bằng số lượng loài

- Sự đa dạng loài là do khả năng thích nghi của động vật với điều kiện sống khác nhau.

2: Đa dạng sinh học của động vật ở môi trường đới lạnh và hoang mạc đới nóng.(20’)

- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trao đổi nhóm hoàn thành phiếu học tập

- GV kẻ phiếu học tập này nên bảng

- Yêu cầu các nhóm chữa phiếu học tập

- GV ghi ý kiến bổ sung vào bên cạnh

- GV hỏi các nhóm :

+ Tại sao lựa chọn câu trả lời ?

+ Dựa vào đâu để lựa chọn câu trả lời ?

- GV NX nội dung đúng sai của các nhóm yêu cầu quan sát phiếu chuẩn kiến thức.

- GV yêu cầu HS tiếp tục trao đổi nhóm trả lời câu hỏi:

+ Nhận xét gì về cấu tạo và tập tính của ĐV ở môi trường đới lạnh và hoang mạc đới nóng?

+ Vì sao ở 2 vùng này số loài ĐV lại ít?

+ Nhận xét mức độ đa dạng của ĐV ở 2 môi trường này

- Từ kiến thức các nhóm GV tổng kết lại cho HS tự rút ra kết luận - cá nhân tự đọc thông tin SGK tr.185-6 ghi nhớ kiến thức

- Trao đổi nhóm theo các nội dung trong phiếu học tập

- Thống nhất ý kiến trả lời yêu cầu

- đại diện nhóm lên bảng ghi câu trả lời của nhóm mình

- Các nhóm khác theo dõi bổ sung

- HS dựa vào nội dung trong phiếu học tập để trao đổi nhóm

- Đại diện nhóm trình bày kết qủa nhóm khác nhận xét bổ sung II. Đa dạng sinh học của động vật ở môi trường đới lạnh và hoang mạc đới nóng.

- Sự đa dạng của động vật ở môi trường đặc biệt rất thấp

- Chỉ có những loài có khả năng chịu đựng cao thì mới tồn tại được

HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

a. Mục tiêu: Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

b. Nội dung: Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

d. Tổ chức thực hiện: Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

Câu 1. Tiêu chí nào dưới đây biểu thị sự đa dạng sinh học?

A. Số lượng loài trong quần thể.

B. Số lượng cá thể trong quần xã.

C. Số lượng loài.

D. Số lượng cá thể trong một loài.

Câu 2. Lớp mỡ rất dày ở chim cánh cụt có vai trò gì?

A. Giúp chim giữ nhiệt cho cơ thể.

B. Dự trữ năng lượng chống rét.

C. Giúp chim dễ nổi khi lặn biển.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây thường gặp ở động vật sống ở môi trường đới lanh?

A. Thường hoạt động vào ban đêm.

B. Lông chuyển sang màu trắng vào mùa đông.

C. Móng rộng, đệm thịt dày.

D. Chân cao, dài.

Câu 4. Hiện tượng ngủ đông của động vật đới lạnh có ý nghĩ gì?

A. Giúp cơ thể tiết kiệm năng lượng.

B. Giúp cơ thể tổng hợp được nhiều nhiệt.

C. Giúp lẩn tránh kẻ thù.

D. Tránh mất nước cho cơ thể.

Câu 5. Đặc điểm nào dưới đây không có ở các động vật đới nóng?

A. Di chuyển bằng cách quăng thân.

B. Thường hoạt động vào ban ngày trong mùa hè.

C. Có khả năng di chuyển rất xa.

D. Chân cao, móng rộng và đệm thịt dày.

Đáp án

Câu 1 2 3 4 5

Đáp án C D B A B

HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8’)

a. Mục tiêu:

 Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

b. Nội dung

 Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Nêu đặc điểm thích nghi về cấu tạo và tập tính của động vật ở đới lạnh và hoang mạc đới nóng:

2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:

- GV gọi đại diện của mỗi nhóm trình bày nội dung đã thảo luận.

- GV chỉ định ngẫu nhiên HS khác bổ sung.

- GV kiểm tra sản phẩm thu ở vở bài tập.

- GV phân tích báo cáo kết quả của HS theo hướng dẫn dắt đến câu trả lời hoàn thiện. 1. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS xem lại kiến thức đã học, thảo luận để trả lời các câu hỏi.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

chân dài, mảnh; chân cao, móng rộng. Bướu trên lưng chứa mỡ. Lớp mỡ dưới da dày. Nhiều loài có bộ lông màu nhạt giống với màu cát, lông trắng. Giải thích: chân dài, mảnh nên cơ thê nằm cao so với cát nóng, mỗi bước nhảy rất xa trên hoang mạc; chân cao, móng rộng, không bị lún trong cát, có đệm thịt dày chống nóng. Bướu trên lưng chứa mỡ, khi cần, mỡ trong bướu có thể chuyển đổi thành nước (nước trao đổi chất) cho hoạt động của cơ thể. Nhiều loài có bộ lông màu nhạt giống với màu cát, lông trắng để không bắt nắng và dễ lẩn trốn kẻ thù. Lớp mỡ dưới da dày để giữ nhiệt và tích trữ năng lượng.

- Giải thích vì sao số loài động vật ở môi trường đới lạnh và hoang mạc đới nóng lại ít.

Khí hậu môi trường hoang mạc đới nóng rất nóng và khô, môi trường đới lạnh thì lạnh. Các vực nước rất hiếm gặp, phân bố rải rác và rất xa nhau. Thực vật thấp nhỏ, xơ xác. Động vật gồm ít loài và có những thích nghi rất đặc trưng đôi với khí hậu khô và nóng.

4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài trả lời câu hỏi SGK

- Đọc mục " Em có biết".

\* Rút kinh nghiệm: